

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 6193/UBND-KTTH

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 12 năm 2014

V/v triển khai thực hiện
Nghị quyết số 35/NQ-
HĐND của HĐND tỉnh
khoá XI

TRUNG TÂM CÔNG BẢO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số:..... 46.....
ĐẾN	Ngày: 16/12/2014
	Chuyên:.....

Kính gửi:



- Các sở, ban ngành tỉnh;
- Các cơ quan thuộc tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Liên đoàn Lao động tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố Quảng Ngãi;

Thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/12/2014 của HĐND tỉnh khóa XI về Chương trình xây dựng nghị quyết năm 2015 của HĐND tỉnh (*bản chụp kèm theo*), Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Yêu cầu sở, ban ngành và đơn vị sau đây có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị chức năng liên quan xây dựng dự thảo các văn bản của UBND tỉnh gồm *đề án, báo cáo (bản dự thảo đầy đủ và tóm tắt), tờ trình đề nghị ban hành nghị quyết và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh* (đối với các văn bản quy phạm pháp luật phải có báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp), trình UBND tỉnh tổ chức họp xem xét, cho ý kiến và hoàn chỉnh để trình HĐND tỉnh, cụ thể:

I. Nội dung trình ban hành nghị quyết tại kỳ họp chuyên đề (từ ngày 9-10 tháng 4/2015)

1. Sở Tài chính:

Quy định một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và giám định tư pháp (*thay thế Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường của tỉnh Quảng Ngãi*).

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh (*sửa đổi, bổ sung Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/2012/NQ-HĐND ngày 10/12/2012 của HĐND tỉnh*);

b) Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015 – 2020;

c) Đề án rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tư pháp:

a) Quy định mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*thay thế Nghị quyết số 29/2013/NQ-HĐND ngày 10/12/2013 của HĐND tỉnh quy định mức chi có tính chất đặc thù cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi*);

b) Quy định mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*thay thế Nghị quyết số 25/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi*);

4. Sở Lao động Thương binh và Xã hội: Quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*thay thế Nghị quyết số 58/2008/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi*).

5. Sở Xây dựng: Chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Quy định tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C.

7. Ban Dân tộc tỉnh: Quy định mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch cho cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển trên địa bàn tỉnh;

8. Công an tỉnh:

a) Quy định về nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ chuyển hóa các địa bàn phức tạp về trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Quy định về nội dung, mức chi thực hiện các hoạt động phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm về ma túy ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

b) Quy định mức thu lệ phí đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*thay thế Nghị quyết số 66/2008/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi*).

9. Liên đoàn lao động tỉnh: Đề án duy trì, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động Nghiệp đoàn nghề cá tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015 – 2020.

10. UBND thành phố Quảng Ngãi: Xây dựng Đề án phân loại thành phố Quảng Ngãi đạt tiêu chuẩn đô thị loại II; **Sở Xây dựng** thẩm định và trình UBND tỉnh.

II. Nội dung trình ban hành nghị quyết tại kỳ họp thường kỳ giữa năm (từ ngày 02 - 4 tháng 7 năm 2015):

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- a) Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2015;
- b) Kế hoạch đầu tư công năm 2016 (để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 59 Luật Đầu tư công);
- c) Kế hoạch đầu tư công 05 năm 2016-2020 (để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 58 Luật Đầu tư công);
- d) Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

2. Sở Tài chính:

- a) Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương;
- b) Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- a) Chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020;
- b) Quy hoạch thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- a) Kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2016-2020;
- b) Quy hoạch quản lý khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước (nước mặt và nước dưới đất) tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, tầm nhìn 2025.

5. UBND huyện Minh Long: xây dựng Đề án phân loại khu vực trung tâm huyện lỵ Minh Long đạt tiêu chuẩn đô thị loại V; Sở Xây dựng thẩm định và trình UBND tỉnh.

6. UBND huyện Ba Tơ: Xây dựng Đề án phân loại thị trấn Ba Tơ đạt tiêu chuẩn đô thị loại V; Sở Xây dựng thẩm định và trình UBND tỉnh.

7. Công an tỉnh:

- a) Đề án Đảm bảo tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;
- b) Đề án Phát hiện, xây dựng, củng cố và nhân rộng các mô hình tiên tiến, xuất sắc trong phòng, chống tội phạm và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn tỉnh;

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Quy định mức thu phí thư viện và tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa trên địa bàn tỉnh.

III. Nội dung trình ban hành nghị quyết tại kỳ họp thường kỳ cuối năm (từ ngày 8 - 11 tháng 12 năm 2015):

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- a) Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016;
- b) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016-2020;
- c) Quyết định kế hoạch đầu tư năm 2016 vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư;
- d) Quyết định kế hoạch đầu tư công 05 năm 2016 - 2020 vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư;
- đ) Quy định mức thưởng cho người có công vận động đầu tư vào địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Sở Tài chính:

- a) Về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2016;
- b) Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2014;

3. Văn phòng UBND tỉnh: Chương trình xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh năm 2016.

4. UBND huyện Lý Sơn: Xây dựng Đề án phân loại khu vực trung tâm huyện lỵ Lý Sơn đạt tiêu chuẩn đô thị loại V; **Sở Xây dựng** thẩm định và trình UBND tỉnh.

5. UBND huyện Đức Phổ: Xây dựng Đề án thành lập thị xã Đức Phổ trực thuộc tỉnh và thành lập phường thuộc thị xã; **Sở Xây dựng** thẩm định và trình UBND tỉnh.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- a) Về giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;
- b) Quy định mức thu và quản lý sử dụng phí cảng cá và khu neo đậu trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

7. Sở Giao thông vận tải: Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

8. Sở Công Thương: Quy định mức thu phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

9. Sở Nội vụ:

a) Quy định chế độ hỗ trợ đối với sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh được cử đi đào tạo trong và ngoài nước (*thay thế Quy định chế độ hỗ trợ đối với sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh được cử đi đào tạo trong và ngoài nước ban hành kèm theo Nghị quyết số 65/2008/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh*);

b) Điều chỉnh, thành lập mới một số thôn, tổ dân phố thuộc các huyện, thành phố.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường: Danh mục dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của tỉnh Quảng Ngãi.

IV. Quy định nội dung và thời gian hoàn thành trình UBND tỉnh:

a) Yêu cầu các sở, ngành địa phương xây dựng nội dung các báo cáo, đề án, tờ trình phải kèm theo căn cứ pháp lý (trích dẫn quy định cụ thể tại các văn bản có liên quan của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương), phải gắn với tình hình thực tiễn của địa phương, nhất là về nguồn lực, nhân lực để tổ chức triển khai thực hiện đề án có tính khả thi cao; khi báo cáo UBND tỉnh (tại cuộc họp) phải có bản tóm tắt kèm theo; nội dung phải đảm bảo chất lượng, trình đúng thời gian quy định.

- Mọi sự chậm trễ về thời gian trình, nội dung không đảm bảo chất lượng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh.

- Trong quá trình xây dựng nội dung phải lấy ý kiến tham gia của các sở, ngành, đơn vị chức năng liên quan, nhất là phải có văn bản thẩm tra của Sở Tư pháp trước khi trình UBND tỉnh xem xét, họp cho ý kiến.

b) Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/12/2014 của HĐND tỉnh (có bản chụp kèm theo) và chỉ đạo, giao nhiệm vụ của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn này, Thủ trưởng các sở, ngành (**nhất là nội dung trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết tại kỳ họp chuyên đề tháng 4/2015**) chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan khẩn trương thực hiện, trình UBND tỉnh họp xem xét, cho ý kiến, trên cơ sở đó hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh ban hành và nhân bản gửi về UBND tỉnh (20 bộ), HĐND tỉnh (90 bộ) phục vụ các kỳ họp:

- Đối với kỳ họp chuyên đề tháng 4/2015: Trình UBND tỉnh **trước ngày 01/3/2015**.

- Đối với kỳ họp thường kỳ giữa năm 2015: Trình UBND tỉnh **trước ngày 15/5/2015**.

- Đối với kỳ họp thường kỳ cuối năm 2015: Trình UBND tỉnh **trước ngày 15/10/2015**.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ nêu trên khẩn trương, nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy Ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng và các Ban đảng Tỉnh ủy;
- Văn phòng và các Ban của HĐND tỉnh;
- VPUB: CVP, PVP, các phòng N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, pKT(LeSang238).



CHỦ TỊCH

Lê Viết Chử

Số: 35 /NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 12 năm 2014

VĂN PHÒNG UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

ĐẾN	Ngày:
	Chuyên:

*Kế độ chỉ Sao - KTTT
Đề nghị đưa thảo văn bản
tỉnh vào trình giao nh/vu
nguy. / 17/12/14*

NGHỊ QUYẾT

Về Chương trình xây dựng nghị quyết năm 2015
của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XI - KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 20/TTr-HĐND ngày 5 tháng 12 năm 2014 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình xây dựng nghị quyết năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa XI và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Chương trình xây dựng nghị quyết năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XI, cụ thể:

1. Kỳ họp chuyên đề: Từ ngày 9 - 10 tháng 4 năm 2015, thông qua các nghị quyết:

1.1. Quy định một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và giám định tư pháp (*thay thế Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 5/10/2012 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường của tỉnh Quảng Ngãi*);

1.2. Đề án rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh;

1.3. Quy định về nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ chuyên hóa các địa bàn phức tạp về trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Quy định về nội dung, mức chi thực hiện các hoạt động phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm về ma túy ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

1.4. Quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*thay thế Nghị quyết số 58/2008/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi*);

1.5. Quy định mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*thay thế Nghị quyết số 29/2013/NQ-HĐND ngày 10/12/2013 của HĐND tỉnh quy định mức chi có tính chất đặc thù cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi*);

1.6. Quy định mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*thay thế Nghị quyết số 25/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 của HĐND tỉnh quy định mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi*);

1.7. Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh (*sửa đổi, bổ sung Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/2012/NQ-HĐND ngày 10/12/2012 của HĐND tỉnh*);

1.8. Đề án phân loại thành phố Quảng Ngãi đạt tiêu chuẩn đô thị loại II;

1.9. Đề án duy trì, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động Nghiệp đoàn nghề cá tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015 - 2020;

1.10. Quy định mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch cho cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển trên địa bàn tỉnh;

1.11. Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015 - 2020;

1.12. Quy định tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C;

1.13. Chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

1.14. Quy định mức thu lệ phí đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*thay thế Nghị quyết số 66/2008/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi*);

2. Kỳ họp thường kỳ giữa năm: Từ ngày 02 - 4 tháng 7 năm 2015, thông qua các nghị quyết:

2.1. Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2015;

2.2. Kế hoạch đầu tư công năm 2016 (*để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 59 Luật Đầu tư công*);

2.3. Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương;

2.4. Chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020;

2.5. Kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2016-2020;

2.6. Kế hoạch đầu tư công 05 năm 2016-2020 (để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 58 Luật Đầu tư công);

2.7. Đề án phân loại khu vực trung tâm huyện lỵ Minh Long đạt tiêu chuẩn đô thị loại V;

2.8. Đề án phân loại thị trấn Ba Tư đạt tiêu chuẩn đô thị loại V;

2.9. Đề án Đảm bảo tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

2.10. Đề án Phát hiện, xây dựng, củng cố và nhân rộng các mô hình tiên tiến, xuất sắc trong phòng, chống tội phạm và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn tỉnh;

2.11. Quy định mức thu phí thư viện và tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa trên địa bàn tỉnh;

2.12. Thông qua Quy hoạch thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

2.13. Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Ngãi;

2.14. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương;

2.15. Quy hoạch quản lý khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước (nước mặt và nước dưới đất) tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, tầm nhìn 2025.

3. Kỳ họp thường kỳ cuối năm: Từ ngày 8 - 11 tháng 12 năm 2015, thông qua các nghị quyết:

3.1. Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016;

3.2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016-2020;

3.3. Về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2016;

3.4. Quyết định kế hoạch đầu tư năm 2016 vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư;

3.5. Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2014;

3.6. Về Chương trình xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh năm 2016;

3.7. Về Chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2016;

3.8. Quyết định kế hoạch đầu tư công 05 năm 2016 - 2020 vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư;

3.9. Đề án phân loại khu vực trung tâm huyện lỵ Lý Sơn đạt tiêu chuẩn đô thị loại V;

3.10. Về giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

3.11. Quy định mức thu và quản lý sử dụng phí cảng cá và khu neo đậu trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

3.12. Quy định mức thưởng cho người có công vận động đầu tư vào địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

3.13. Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

3.14. Quy định mức thu phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

3.15. Quy định chế độ hỗ trợ đối với sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh được cử đi đào tạo trong và ngoài nước (*thay thế Quy định chế độ hỗ trợ đối với sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh được cử đi đào tạo trong và ngoài nước ban hành kèm theo Nghị quyết số 65/2008/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh*);

3.16. Điều chỉnh, thành lập mới một số thôn, tổ dân phố thuộc các huyện, thành phố;

3.17. Danh mục dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của tỉnh Quảng Ngãi;

3.18. Đề án thành lập thị xã Đức Phổ trực thuộc tỉnh và thành lập phường thuộc thị xã.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp để chuẩn bị tờ trình, đề án và dự thảo nghị quyết đúng quy định, đảm bảo chất lượng và thời gian.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi, thẩm tra tờ trình, dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp cần điều chỉnh chương trình xây dựng nghị quyết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh để thống nhất và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2014, tại kỳ họp thứ 14./.

Nơi nhận: *Vũ*

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và các ĐBQH bầu ở tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở ban ngành, Hội đoàn thể tỉnh, VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng